



cháng mián

长眠

verb · to sleep forever; to die (euphemism)

Example Sentences

Tā yǐ zài gù xiāng cháng mián
他已在故乡长眠。

He has been laid to rest forever in his hometown.

Zhè wèi yīng xióng cháng mián zài liè shì líng yuán lǐ
这位英雄长眠在烈士陵园里。

This hero rests forever in the martyrs' cemetery.

Trace each character, then write the word on your own.

长	长	长	长	长	长	长				
眠	眠	眠	眠	眠	眠	眠	眠	眠	眠	眠
眠	眠									